

Số: 29/TB-DGTH

Quảng Trị, ngày 06 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tổ chức hành nghề đầu giá tài sản: Công ty đầu giá hợp danh Trường Hà. Địa chỉ: số 52 Mai Thúc Loan, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

2. Tổ chức có quyền đưa tài sản ra đầu giá: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Bồ Trạch. Địa chỉ: xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị.

3. Tài sản đầu giá: Quyền sử dụng đất ở đối với 38 thửa đất tại xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị. Cụ thể như sau:

Diện tích từ: 145,7 m²/thửa đất đến 350,0 m²/thửa đất. Giá khởi điểm: Từ 458.100.000 đồng/thửa đất đến 2.093.280.000 đồng/thửa đất. (Thông tin các thửa đất được niêm yết tại nơi quy định và thông báo trên Cổng Đầu giá tài sản quốc gia - Bộ Tư pháp). (Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác).

4. Đối tượng, điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đầu giá

Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, chấp hành tốt pháp luật đất đai, pháp luật về đầu giá tài sản, thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật, phương án đầu giá và quy chế cuộc đầu giá; có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nộp hồ sơ đăng ký tham gia đầu giá hợp lệ, đúng thời hạn theo thông báo. Mua hồ sơ, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đầu giá trực tiếp hoặc qua điện tử cho Công ty đầu giá hợp danh Trường Hà.

5. Thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục đầu giá

5.1. Bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ tham gia đầu giá:

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút, ngày 06/10/2025 đến 16 giờ 30 phút, ngày 21/10/2025.

- Địa điểm: tại trụ sở Công ty đầu giá hợp danh Trường Hà, địa chỉ: số 52 Mai Thúc Loan, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

- Ngoài ra để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, Công ty sẽ tổ chức bán và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đầu giá tại trụ sở Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Bồ Trạch, địa chỉ: xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, trong thời hạn 03 ngày làm việc liên tục từ ngày 17/10/2025 đến ngày 21/10/2025.

5.2. Thu tiền đặt trước:

Liên tục từ 07 giờ 30 phút, ngày 06/10/2025 đến 16 giờ 30 phút, ngày 21/10/2025 vào tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Trường Hà.

- Tài khoản số: 299555999, mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBbank);

- Tài khoản số: 0311000735986, mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

Số tiền đặt trước phải báo có trong tài khoản số: 299555999 và 0311000735986 trước 16 giờ 30 phút, ngày 21/10/2025 nếu báo có sau 16 giờ 30 phút, ngày 21/10/2025 sẽ không được ghi nhận, hồ sơ đó không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia đấu giá.

5.3. Mức tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- 100.000 đồng/bộ hồ sơ tham gia đấu giá đối với thửa đất có giá khởi điểm dưới 1 tỷ đồng.

- 200.000 đồng/bộ hồ sơ tham gia đấu giá đối với thửa đất có giá khởi điểm từ 1 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng.

5.4. Xem tài sản:

Liên tục 03 ngày từ ngày 08/10/2025 đến ngày 10/10/2025 tại vị trí các thửa đất đưa ra đấu giá hoặc tại bản đồ địa chính (nếu có nhu cầu liên hệ trước ngày 08/10/2025 để Công ty sắp xếp thời gian cụ thể).

(Các thủ tục trên được thực hiện trong giờ hành chính các ngày làm việc)

5.5. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian: Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 24/10/2025.

- Địa điểm: Tại hội trường trụ sở UBND xã Đông Trạch, địa chỉ: xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị.

Mọi thông tin cụ thể được niêm yết tại trụ sở: Công ty đấu giá hợp danh Trường Hà; Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Bồ Trạch và UBND xã Đông Trạch.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ Công ty theo số điện thoại: (0232)3896333, Anh Phước: 0906.498.789 hoặc Chị Hà: 0826.828.235

Nơi nhận:

- Công Đấu giá tài sản quốc gia - Bộ Tư pháp;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Trang TTĐT Công ty ĐGHĐ Trường Hà;
- Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ Bồ Trạch;
- UBND xã Đông Trạch;
- Báo Quảng Trị;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu: HS, VT.



Nguyễn Ngọc Tiến

PHỤ LỤC

Đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 38 thửa đất tại xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Thông báo số 29/TB-DGTH ngày 06/10/2023 của Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà)

TT	Khu vực	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)	Ghi chú
1	Thôn Quý Thuận	1056	2	212,8	Đất ở	942.278.000	180.000.000	10.000.000	100.000	Hai mặt tiền
2	Thôn Quý Thuận	1057	2	150,3	Đất ở	554.607.000	100.000.000	10.000.000	100.000	
3	Thôn Quý Thuận	1058	2	171,9	Đất ở	634.311.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
4	Thôn Quý Thuận	1059	2	152,2	Đất ở	561.618.000	100.000.000	10.000.000	100.000	
5	Thôn Quý Thuận	1060	2	163,9	Đất ở	604.791.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
6	Thôn Quý Thuận	1061	2	173,1	Đất ở	638.739.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
7	Thôn Quý Thuận	1062	2	178,5	Đất ở	658.665.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
8	Thôn Quý Thuận	1063	2	180,3	Đất ở	665.307.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
9	Thôn Quý Thuận	1066	2	163,3	Đất ở	602.577.000	120.000.000	10.000.000	100.000	
10	Thôn Quý Thuận	1067	2	145,7	Đất ở	537.633.000	100.000.000	10.000.000	100.000	
11	Thôn Quý Thuận	1068	2	248,8	Đất ở	1.101.686.000	180.000.000	20.000.000	200.000	Hai mặt tiền
12	Thôn Quý Thuận	1069	2	207,5	Đất ở	580.896.000	100.000.000	10.000.000	100.000	Hai mặt tiền
13	Thôn Quý Thuận	1070	2	180,0	Đất ở	458.100.000	80.000.000	5.000.000	100.000	
14	Thôn Quý Thuận	1071	2	180,0	Đất ở	458.100.000	80.000.000	5.000.000	100.000	
15	Thôn Quý Thuận	1072	2	180,0	Đất ở	458.100.000	80.000.000	5.000.000	100.000	
16	Thôn Nam Đức	536	11	237,2	Đất ở	1.992.480.000	370.000.000	20.000.000	200.000	Hai mặt tiền
17	Thôn Nam Đức	537	11	186,0	Đất ở	1.302.000.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
18	Thôn Nam Đức	538	11	186,6	Đất ở	1.306.200.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
19	Thôn Nam Đức	539	11	188,4	Đất ở	1.318.800.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
20	Thôn Nam Đức	540	11	191,5	Đất ở	1.340.500.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
21	Thôn Nam Đức	541	11	249,2	Đất ở	2.093.280.000	370.000.000	20.000.000	200.000	Hai mặt tiền
22	Thôn Nam Đức	543	11	275,0	Đất ở	1.100.000.000	180.000.000	20.000.000	200.000	
23	Thôn Nam Đức	544	11	275,0	Đất ở	1.100.000.000	180.000.000	20.000.000	200.000	
24	Thôn Nam Đức	545	11	180,0	Đất ở	720.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
25	Thôn Nam Đức	546	11	180,0	Đất ở	720.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
26	Thôn Nam Đức	548	11	350,0	Đất ở	1.400.000.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
27	Thôn Nam Đức	549	11	350,0	Đất ở	1.400.000.000	250.000.000	20.000.000	200.000	
28	Thôn Nam Đức	550	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
29	Thôn Nam Đức	551	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
30	Thôn Nam Đức	552	11	245,2	Đất ở	1.176.960.000	180.000.000	20.000.000	200.000	Hai mặt tiền
31	Thôn Nam Đức	566	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	

32	Thôn Nam Đức	567	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
33	Thôn Nam Đức	568	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
34	Thôn Nam Đức	569	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
35	Thôn Nam Đức	570	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
36	Thôn Nam Đức	571	11	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
37	Thôn Nam Đức	60	15	200,0	Đất ở	800.000.000	140.000.000	10.000.000	100.000	
38	Thôn Nam Đức	62	15	291,0	Đất ở	1.396.800.000	250.000.000	20.000.000	200.000	Hai mặt tiền
Tổng cộng (38 thửa)				7.873,4		35.024.428.000				

Leur

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT)

XÃ HẢI PHÚ

(953 552 - 3) - TỜ SỐ 2 (XÃ PHÚ TRẠCH)

TÊN KHU ĐẤT DỰ ÁN TẠO QUỸ ĐẤT Ở KHU VỰC THÔN QUỠ THUẬN, XÃ HẢI PHÚ, HUYỆN BỐ TRẠCH (THỰC HIỆN ĐỢT 1)

(Kèm theo quyết định giao đất số ... tháng ... năm ... của UBND tỉnh Quảng Bình)

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN BỐ TRẠCH

554 100

554 200

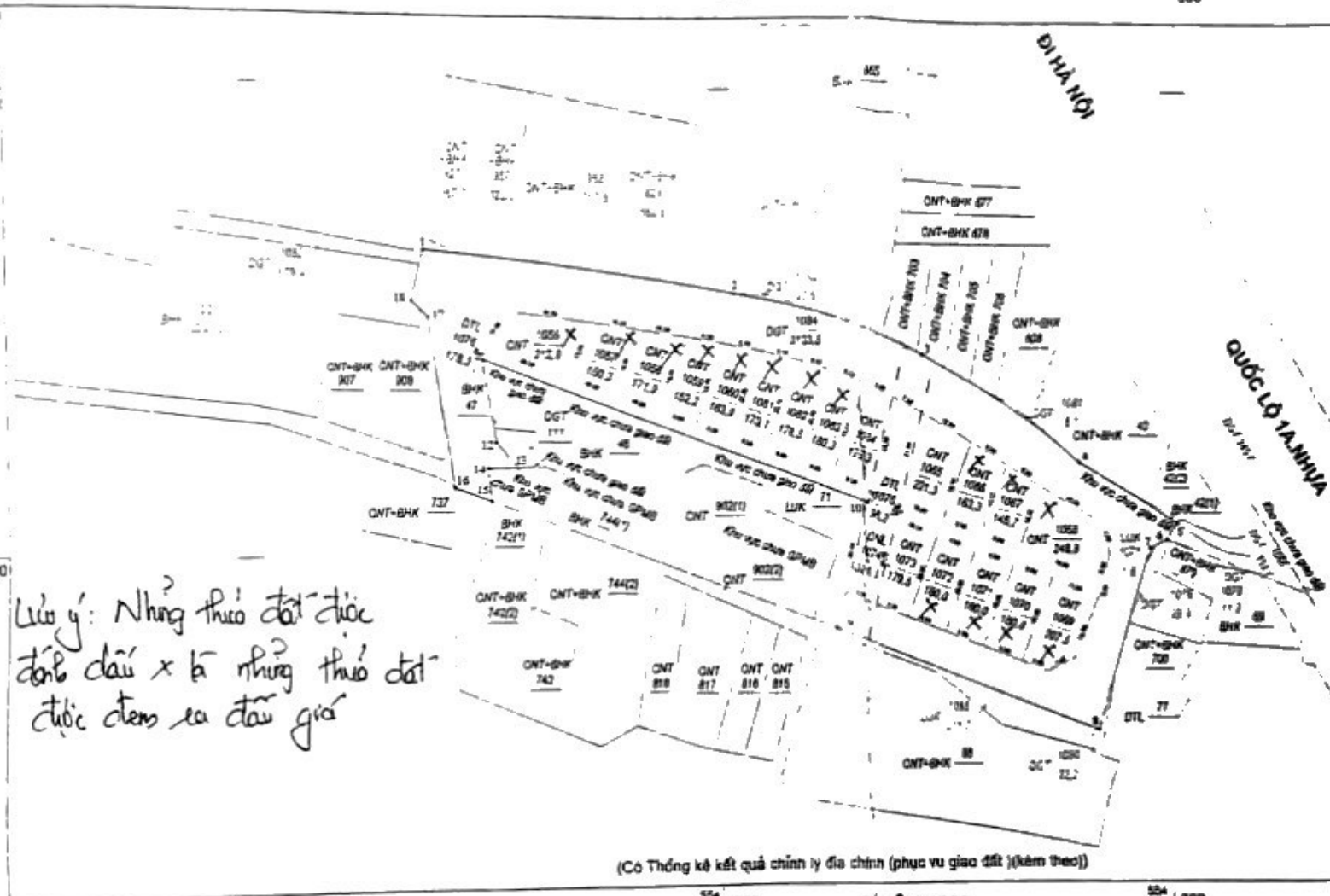
554 300

554 400

ĐI HÀ NỘI

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM CỎ BÊN
HỒ TỌA ĐỘ 1974-1975

TT	X (m)	Y (m)	Chiều dài (m)
1	105814.4	54738.3	62.57
2	105814.35	54738.25	42.81
3	105814.3	54738.18	42.38
4	105814.25	54738.1	38.39
5	105814.2	54738.02	16.14
6	105814.15	54737.94	4.57
7	105814.1	54737.86	47.28
8	105814.05	54737.78	62.63
9	105814.0	54737.7	28.48
10	105813.95	54737.62	38.89
11	105813.9	54737.54	17.87
12	105813.85	54737.46	7.18
13	105813.8	54737.38	6.21
14	105813.75	54737.3	7.27
15	105813.7	54737.22	6.39
16	105813.65	54737.14	38.89
17	105813.6	54737.06	4.77
18	105813.55	54736.98	7.87
19	105813.5	54736.9	



(Có Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính (phục vụ giao đất) (kèm theo))

T LỆ 1:1000

554 100

554 200

554 300

554 400

ĐI TP HCM

Đo vẽ, chỉnh lý tháng ... năm 2024

Công ty TNHH Tư vấn Địa chính Tài nguyên và Môi trường Quốc tế

Ngày ... tháng ... năm 2024

Chữ Đều tư

Tp. Quảng Bình

Chữ Đều tư

Kiểm tra, ngày ... tháng ... năm 2024

Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám

Phó Trưởng phòng

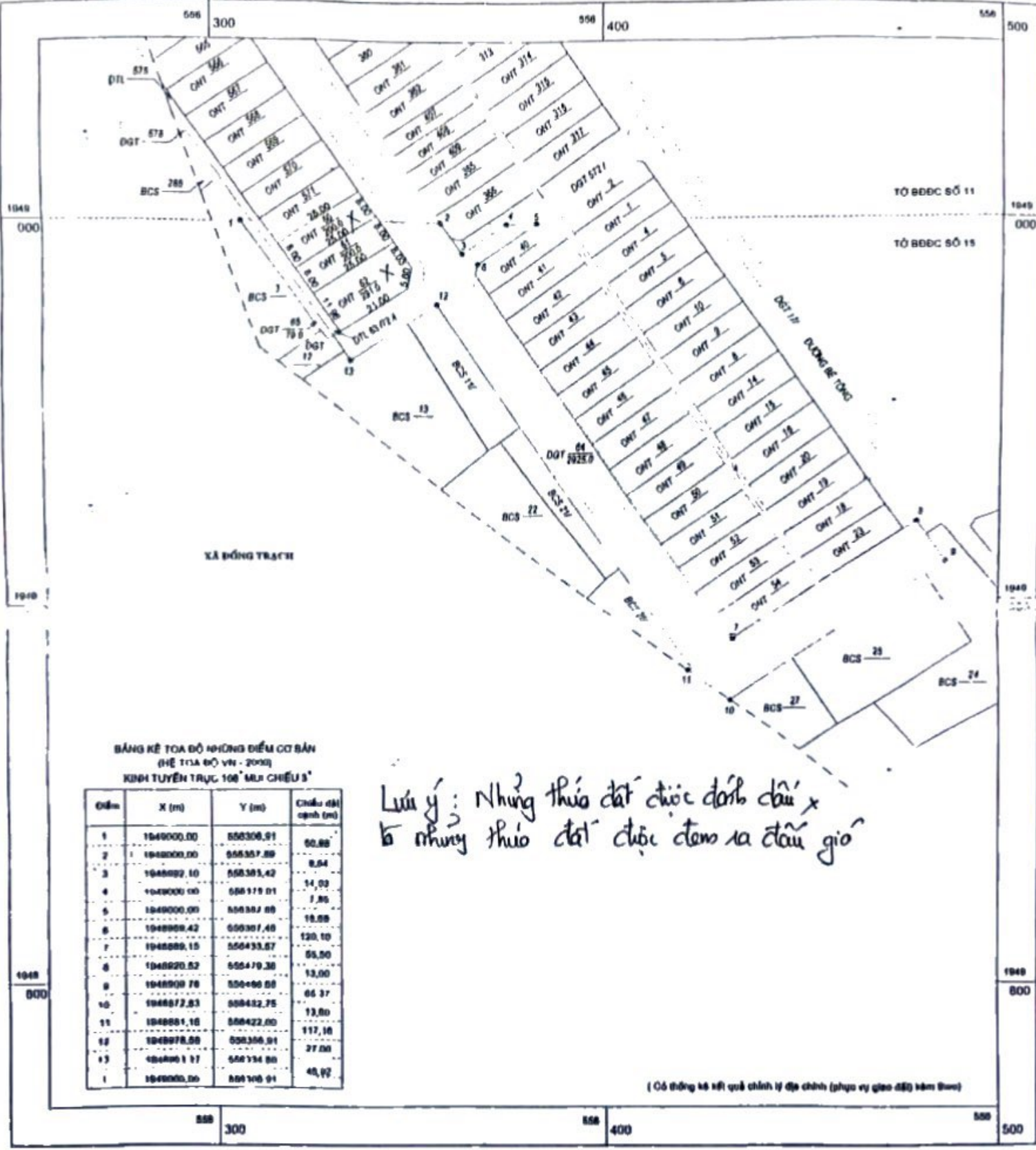
Chức vụ, ngày ... tháng ... năm 2024

Đã Tư nguyên và Môi trường

Chữ Đều tư

Chữ Đều tư

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN BỐ TRẠCH



BẢNG KÊ TOA ĐỘ NHỮNG ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOA ĐỘ VN - 2000)
KINH TUYẾN TRỤC 100° MŨI CHIỀU 3°

Điểm	X (m)	Y (m)	Chiều dài cạnh (m)
1	1048000.00	558308.91	50.88
2	1048000.00	558357.89	8.94
3	1048092.10	558383.42	14.03
4	1048000.00	558179.01	7.85
5	1048000.00	558387.89	19.98
6	1048099.42	558387.48	120.10
7	1048099.15	558433.57	55.50
8	1048020.52	558479.38	13.00
9	1048000.78	558480.58	66.37
10	1048072.83	558432.75	13.80
11	1048001.18	558422.00	117.16
12	1048078.58	558388.91	27.08
13	1048001.17	558134.88	48.92
1	1048000.00	558108.91	

Lưu ý: Những thửa đất được đánh dấu x
b những thửa đất được đánh dấu x

(Có thống kê kết quả chính lý địa chính (phụ vụ giao đất) kèm theo)

TỈ LỆ 1:1000

Được, ngày 11 tháng 6 năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH Tư Vấn Thành Thuận
KT Giám đốc
Phó giám đốc

Kiểm tra, ngày 11 tháng 6 năm 2023
Chủ đầu tư
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT Giám đốc
Phó giám đốc

Kiểm tra, ngày 11 tháng 6 năm 2023
Đơn vị thẩm tra
Phòng Đo đạc, bản đồ và viễn thám
Trưởng phòng

Được, ngày 11 tháng 6 năm 2023
Bộ Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình
KT Giám đốc
Phó giám đốc

[Signature]

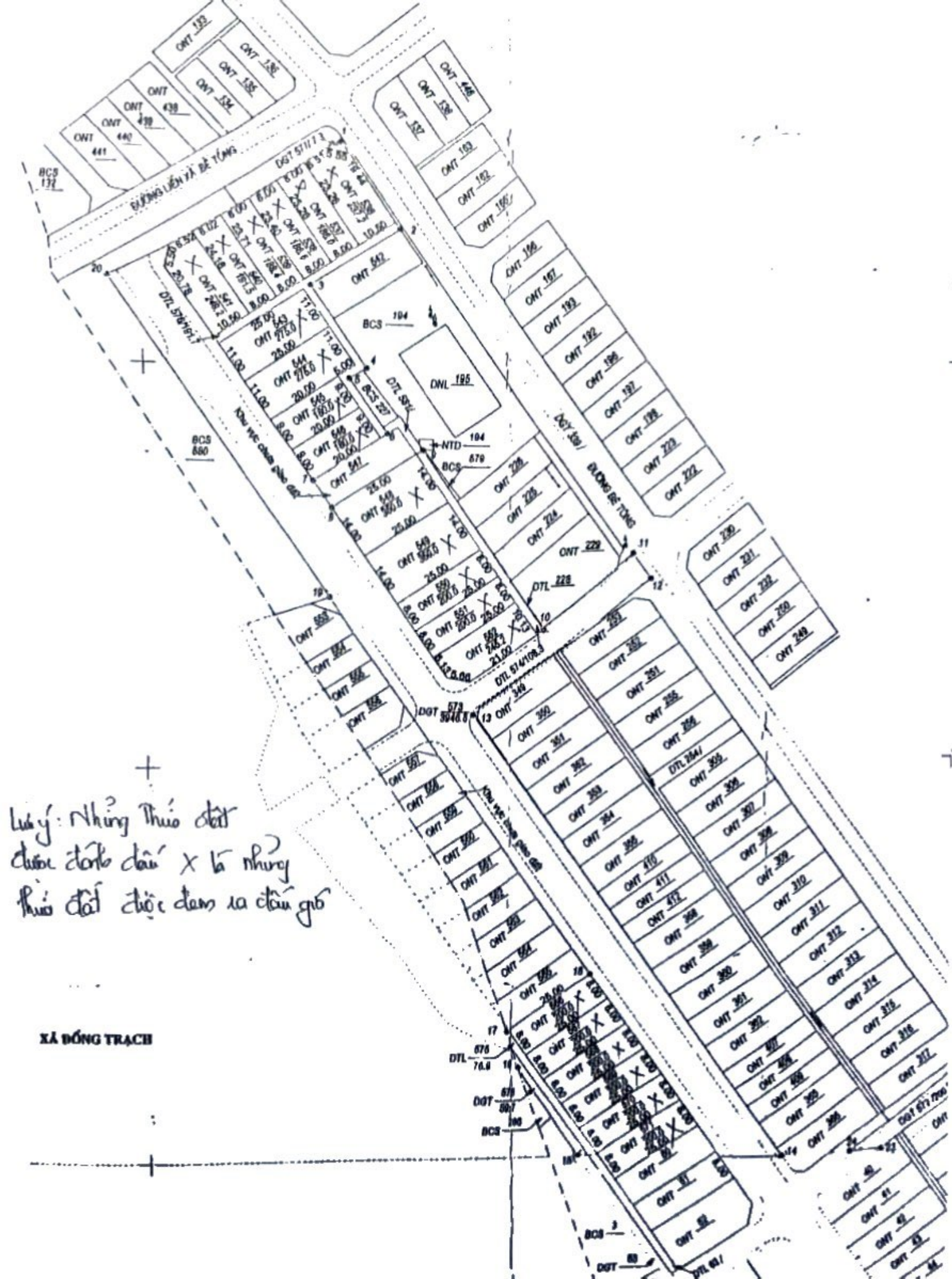


Bà Quốc Thanh

[Signature]



[Signature]

**XÃ ĐỒNG TRẠCH**